

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010*

và Báo cáo của Ban giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty cổ phần Chương Dương (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm công ty”) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Chương Dương là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 theo quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 8 tháng 4 năm 2009.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Công ty có trụ sở tại 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có bốn công ty con sau:

1) Công ty TNHH Thương mại Chương Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102046632 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Chương Dương.

2) Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102046739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 07 năm 2007. Công ty chiếm 65% trong ứng với 1.300.000.000 đồng vốn điều lệ của công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1 và đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp đủ vốn.

(3) Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0309869525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2010, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 80% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010 Công ty đã góp 100.000.000 đồng chiếm 10% vốn điều lệ.

(4) Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thuận Thành Phát là một Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 048337 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 1995 và thay đổi lần 10 vào ngày 18 tháng 11 năm 2009, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 93,3%. Đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010 Công ty đã góp 112.317.200.000 đồng chiếm 74,9% vốn điều lệ.

Công ty có một công ty liên kết sau:

Công ty cổ phần Tháp Nam Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 04 năm 2007 và theo các chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau này. Công ty chiếm 30% vốn điều lệ của công ty cổ phần Tháp Nam Việt. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp 1.300.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40,86% vốn thực tế đã góp của Công ty cổ phần Tháp Nam Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty là **19.030.279.084** đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

1. Ông Trần Mai Cường	Chủ tịch
2. Ông Văn Minh Hoàng	Phó chủ tịch
3. Ông Đặng Trung Chính	Ủy viên
4. Ông Thái Văn Thọ	Ủy viên
5. Ông Nguyễn Văn Đạt	Ủy viên

Ban giám đốc

1. Ông Lê Văn Chính	Tổng giám đốc
2. Ông Thái Văn Thọ	Phó tổng giám đốc
3. Ông Văn Minh Hoàng	Phó tổng giám đốc
4. Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó tổng giám đốc

Ban kiểm soát và kế toán trưởng

1. Ông Lê Hữu Hòa	Trưởng ban
2. Ông Phạm Văn Hợi	Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên
4. Ông Vũ Sinh Thiện	Kế toán trưởng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của nhóm công ty trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban giám đốc

Lê Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2010

Số:10-2-111/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của
Công ty cổ phần Chương Dương và công ty con
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Kính gửi: Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chương Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần Chương Dương và công ty con (gọi tắt là “Nhóm công ty”) tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kết thúc cùng ngày.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tô Quang Tùng
Giám đốc chi nhánh
Số đăng ký: 0270/KTV

Hồ Đình Phúc
Kiểm toán viên
Số đăng ký: 1268/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		505.994.222.072	424.776.655.164
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	26.559.344.709	39.055.954.264
1. Tiền	111		23.709.344.709	36.755.954.264
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.850.000.000	2.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.933.925.080	12.941.279.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	14.128.868.209	14.031.316.291
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.194.943.129)	(1.090.037.291)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		182.876.830.226	220.490.777.647
1. Phải thu khách hàng	131		147.936.867.294	138.564.878.911
2. Trả trước cho người bán	132		19.080.835.253	90.836.414.723
3. Các khoản phải thu khác	135	4	26.932.516.660	1.792.294.711
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11.073.388.981)	(10.702.810.698)
IV. Hàng tồn kho	140		269.052.719.899	140.649.200.778
1. Hàng tồn kho	141	5	269.052.719.899	140.649.200.778
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.571.402.158	11.639.443.475
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35.213.716	53.951.245
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	14.536.188.442	11.585.492.230

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.709.701.939	88.693.122.641
I. Tài sản cố định	220		27.785.409.889	29.925.419.964
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	24.671.376.233	26.694.215.110
- Nguyên giá	222		58.671.812.200	58.654.393.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.000.435.967)	(31.960.178.151)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	3.114.033.656	3.231.204.854
- Nguyên giá	228		4.686.848.000	4.686.848.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.572.814.344)	(1.455.643.146)
II. Bất động sản đầu tư	240		46.573.397.191	44.342.622.737
- Nguyên giá	241	10	49.573.263.918	46.633.928.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.999.866.727)	(2.291.306.205)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.403.931.285	5.403.931.285
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	903.931.285	903.931.285
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	4.500.000.000	4.500.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		14.946.963.574	9.021.148.655
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	14.894.305.574	8.957.490.655
2. Tài sản dài hạn khác	268		52.658.000	63.658.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		600.703.924.011	513.469.777.805

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		350.414.823.986	360.572.041.015
I. Nợ ngắn hạn	310		283.900.103.810	346.074.415.614
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	106.106.908.844	122.459.859.997
2. Phải trả người bán	312		82.311.429.027	67.168.538.707
3. Người mua trả tiền trước	313		2.881.450.452	14.669.804.091
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	31.469.194.198	54.943.177.421
5. Phải trả người lao động	315		2.992.209.699	4.516.333.418
6. Chi phí phải trả	316	15	41.028.962.670	61.071.135.502
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	15.654.475.320	21.245.566.478
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.455.473.600	-
II. Nợ dài hạn	330		66.514.720.176	14.497.625.401
1. Phải trả dài hạn khác	333		6.547.840.721	5.952.955.946
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	59.966.879.455	8.544.669.455
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		240.033.449.007	152.662.910.339
I. Vốn chủ sở hữu	410		240.033.449.007	149.845.632.739
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	124.657.150.000	64.657.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	77.142.009.600	48.476.809.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	11.556.782.318	11.556.782.318
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	4.034.149.598	4.034.149.598
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	22.643.357.491	21.120.741.223
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		10.255.651.018	234.826.451
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		600.703.924.011	513.469.777.805

Vũ Sinh Thiện

Kế toán trưởng

Ngày 14 tháng 08 năm 2010

Lê Văn Chính

Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	185.659.468.675	146.307.009.163
2. Các khoản giảm trừ	03		-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		185.659.468.675	146.307.009.163
4. Giá vốn hàng bán	11	20	152.227.898.668	126.819.156.990
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.431.570.007	19.487.852.173
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.490.661.156	1.646.385.257
7. Chi phí tài chính	22	22	3.889.003.896	923.608.958
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		3.285.573.225	858.500.008
8. Chi phí bán hàng	24		341.593.894	275.525.917
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.474.189.393	3.340.737.099
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.217.443.980	16.595.365.456
11. Thu nhập khác	31		424.930.578	791.973.338
12. Chi phí khác	32		256.806.371	93.635.416
13. Lợi nhuận khác	40		168.124.207	698.337.922
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.385.568.187	17.293.703.378
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	6.334.464.536	4.317.900.844
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.051.103.651	12.975.802.534
17. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	61		20.824.567	12.542.480
18. Thu nhập sau thuế của Công ty mẹ	62		19.030.279.084	12.963.260.054
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.826	1.393

Vũ Sinh Thiện
Kế toán trưởng

Lê Văn Chính
Tổng giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT(phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.385.568.187	17.293.703.378
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.997.939.536	2.765.701.849
- Các khoản dự phòng	03		573.387.941	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(922.460.432)	(463.149.040)
- Chi phí lãi vay	06		3.285.573.225	858.500.008
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.320.008.457	20.454.756.195
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		34.219.136.204	(80.048.937.951)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(131.342.854.097)	4.359.996.119
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(46.540.216.448)	45.904.059.982
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(5.918.077.390)	(471.561.557)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.285.010.065)	(858.500.008)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.838.001.564)	(3.047.290.441)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.327.899.025	28.385.484
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.013.279)	(401.862.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(119.061.129.157)	(14.080.955.027)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(149.368.939)	(7.260.558.106)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		60.000.000	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(118.300.000.000)	(11.100.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		117.650.000.000	28.600.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(410.572.500)	(2.833.776.750)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		865.116.762	2.392.048.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		862.460.432	896.593.890
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		577.635.755	10.694.307.034

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		82.199.840.000	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		148.550.094.018	72.456.376.862
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(113.480.835.171)	(65.162.584.171)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.282.215.000)	(21.778.369.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		105.986.883.847	(14.484.576.309)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.496.609.555)	(17.871.224.302)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		39.055.954.264	28.451.310.873
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3	26.559.344.709	10.580.086.571

 Vũ Sinh Thiện
 Kế toán trưởng
 Ngày 14 tháng 08 năm 2010

 Lê Văn Chính
 Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Chương Dương là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng thuộc Tổng Công Ty Xây dựng số 1 theo quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 8 tháng 4 năm 2009.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Công ty có trụ sở tại 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có bốn công ty con sau:

(1) Công ty TNHH Thương mại Chương Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102046632 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Chương Dương.

(2) Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4102046739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 07 năm 2007. Công ty chiếm 65% tương ứng với 1.300.000.000 đồng vốn điều lệ của công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1 và đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp đủ vốn.

(3) Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0309869525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2010, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 80% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010 Công ty đã góp 100.000.000 đồng chiếm 10% vốn điều lệ.

(4) Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thuận Thành Phát là một Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 048337 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 1995 và thay đổi lần 10 vào ngày 18 tháng 11 năm 2009, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 93,3%. Đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010 Công ty đã góp 112.317.200.000 đồng chiếm 74,9% vốn điều lệ.

Công ty có một công ty liên kết sau:

Công ty cổ phần Tháp Nam Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 04 năm 2007 và theo các chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau này. Công ty chiếm 30% vốn điều lệ của công ty cổ phần Tháp Nam Việt. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp 1.300.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40,86% vốn thực tế đã góp của Công ty cổ phần Tháp Nam Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các công ty con: Các Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ghi nhận lợi ích của công ty trên lỗ hoặc lãi của công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày ảnh hưởng đáng kể bắt đầu đến khi kết thúc.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất: Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên doanh được loại trừ ở mức lợi ích của công ty trong công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản thu tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 30 năm
Máy móc thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất và nhà cửa	30 năm
------------------------------	--------

Các khoản đầu tư chứng khoán

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, lợi thế thương mại được phân bổ dần từ 2 năm đến 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản công nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ tài sản và công nợ ngắn hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa cụ thể như sau:

- Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và xây dựng tài sản cố định cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định.
- Chi phí lãi vay liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản được hạch toán vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh khi phát sinh doanh thu từ việc bán các sản phẩm từ các dự án bất động sản.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc niên độ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	8.704.520.062	5.369.942.428
Tiền gửi ngân hàng	15.004.824.647	31.386.011.836
Tiền gửi VND	15.000.242.104	31.381.429.293
Tiền gửi USD	4.582.543	4.582.543
Các khoản tương đương tiền (*)	2.850.000.000	2.300.000.000
Tổng cộng	26.559.344.709	39.055.954.264

(*) là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, lãi suất 8%/năm, lãi được thanh toán vào cuối kỳ.

4. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ông Nguyễn Minh Hưng	23.486.976.913	-
Phải thu khác	3.445.539.747	1.792.294.711
Tổng cộng	26.932.516.660	1.792.294.711

5. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu	3.493.865.754	9.639.295.576
Công cụ dụng cụ	925.650.607	1.021.090.071
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	263.803.096.361	129.891.401.156
+ Công trình xây dựng	36.693.793.454	29.783.850.374
+ Dự án bất động sản	227.109.302.907	100.107.550.782
Hàng hóa	830.107.177	97.413.975
Tổng cộng	269.052.719.899	140.649.200.778

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tạm ứng	13.914.780.716	10.890.547.782
Ký quỹ, ký cược	547.636.363	621.173.085
Tài sản thiếu chờ xử lý	73.771.363	73.771.363
Tổng cộng	14.536.188.442	11.585.492.230

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số lượng	Số cuối kỳ	Số lượng	Số đầu kỳ
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		4.628.868.209		5.181.316.291
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	8.000	374.935.000	4.000	374.935.000
Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE	6.800	492.984.000	6.800	492.984.000
Công ty CP Cấp & Vật liệu viễn thông SAM	3.600	176.642.000	3.600	176.642.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	21.450	456.373.724	21.450	456.373.724
Công ty CP phân đạm & hóa chất dầu khí (DPM)	5.000	239.979.000	5.000	239.979.000
Tổng công ty bảo hiểm dầu khí Việt Nam (PVI)	4.050	112.053.250	3.000	101.553.250
Công ty CP Xi măng Bim Sơn (BCC)	5.000	87.718.750	5.000	87.718.750
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn (BKC)	-	-	3.000	111.879.000
Tập đoàn Bảo Việt (BVH)	-	-	10.000	372.537.762
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (EIB)	12.000	341.476.800	12.000	341.476.800
Công ty CP Xi măng Hoàng Mai (HOM)	6.000	105.289.800	6.000	105.289.800
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	4.730	92.551.230	4.730	92.551.230
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	3.000	86.659.200	3.000	86.659.200
Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVF)	17.000	673.329.125	12.000	519.946.625
Công ty CP vận tải dầu khí (PVT)	23.100	328.127.630	23.130	432.056.250
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	3.699	36.989.700	6.000	191.926.500
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SGT)	-	-	3.000	83.048.400
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	24.000	586.884.000	16.000	506.884.000
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội (SHS)	6.000	156.315.000	3.000	126.315.000
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (VCB)	5.000	280.560.000	5.000	280.560.000
Tiền gửi có kỳ hạn		9.500.000.000		8.850.000.000
Tổng cộng		14.128.868.209		14.031.316.291

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	14.928.350.764	24.183.589.040	18.305.005.999	1.237.447.458	58.654.393.261
Mua trong kỳ	-	82.285.394	-	67.083.545	149.368.939
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(131.950.000)	-	(131.950.000)
Số dư cuối kỳ	<u>14.928.350.764</u>	<u>24.265.874.434</u>	<u>18.173.055.999</u>	<u>1.304.531.003</u>	<u>58.671.812.200</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.395.326.233	15.140.283.924	8.682.929.472	741.638.522	31.960.178.151
Khấu hao trong kỳ	314.104.069	898.706.600	880.655.566	78.741.581	2.172.207.816
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(131.950.000)	-	(131.950.000)
Số dư cuối kỳ	<u>7.709.430.302</u>	<u>16.038.990.524</u>	<u>9.431.635.038</u>	<u>820.380.103</u>	<u>34.000.435.967</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	<u>7.533.024.531</u>	<u>9.043.305.116</u>	<u>9.622.076.527</u>	<u>495.808.936</u>	<u>26.694.215.110</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>7.218.920.462</u>	<u>8.226.883.910</u>	<u>8.741.420.961</u>	<u>484.150.900</u>	<u>24.671.376.233</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	4.686.848.000	4.686.848.000
Số dư cuối kỳ	4.686.848.000	4.686.848.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.455.643.146	1.455.643.146
Khấu hao trong kỳ	117.171.198	117.171.198
Số dư cuối kỳ	1.572.814.344	1.572.814.344
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	3.231.204.854	3.231.204.854
Tại ngày cuối kỳ	3.114.033.656	3.114.033.656

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	Số cuối kỳ	Tăng trong kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư			
- Nhà và quyền sử dụng đất	49.573.263.918	2.939.334.976	46.633.928.942
Giá trị hao mòn lũy kế			
- Nhà và quyền sử dụng đất	2.999.866.727	708.560.522	2.291.306.205
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư			
- Nhà và quyền sử dụng đất	46.573.397.191	2.230.774.454	44.342.622.737

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Tỷ lệ tham gia	Số cuối kỳ	Tỷ lệ tham gia	Số đầu kỳ
Công ty CP Tháp Nam Việt	30%	903.931.285	30%	1.300.000.000
Tổng cộng		903.931.285		1.300.000.000

b. Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty CP BOT Cầu Đồng Nai	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Thủy Điện Srok Miêng IDICO	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	4.500.000.000	4.500.000.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ	3.421.521.315	3.608.205.654
Lợi thế doanh nghiệp	140.000.000	160.000.000
Chi phí lãi vay	11.332.784.259	5.189.285.001
Tổng cộng	14.894.305.574	8.957.490.655

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngân hàng đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai (1)	29.946.453.997	25.056.904.179
Công ty Tài Chính Cao Su (2)	30.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 (3)	20.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam CN 11 (4)	8.234.874.847	4.490.375.818
Ngân hàng nông nghiệp & PTNT – chi nhánh 3 (5)	8.300.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 17)	9.625.580.000	2.912.580.000
Tổng cộng	106.106.908.844	122.459.859.997

(1) Vay ngân hàng đầu tư & phát triển tỉnh Đồng Nai lãi suất từ 1,08%/tháng. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công trình, quyền phải thu khối lượng công trình. Mục đích vay thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp và trả tiền lương công nhân công trình, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(2) Vay công ty Tài Chính Cao Su với lãi suất 1,05%/tháng, mục đích vay là đầu tư dự án Khu nhà ở thu nhập thấp Trường Thọ - Chương Dương Home. Tài sản thế chấp là bất động sản dự án đầu tư khu nhà ở thu nhập thấp Trường Thọ - Chương Dương Home, thời hạn vay 12 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(3) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 với lãi suất khoảng 14,5%/năm, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 225 Bến Chương Dương, thời hạn vay 12 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(4) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh 11 để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tiền vay từ 10,49% đến 11,5%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn.

(5) Khoản vay ngắn hạn chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 3 theo Hợp đồng tín dụng số 1602LAV200900477 ngày 25 tháng 5 năm 2009, dùng để bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất vay là 12%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng căn nhà số 100/6 Lê Thị Hồng Gấm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Minh Hưng. Thời gian vay là 12 tháng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế giá trị gia tăng	16.000.070.196	37.349.582.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.078.456.779	16.581.993.807
Thuế thu nhập cá nhân	242.292.817	817.038.557
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	148.374.406	194.562.208
Tổng cộng	31.469.194.198	54.943.177.421

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí xây dựng phần thô chung cư 225 Bến Chương Dương	9.379.956.249	6.596.068.676
Chi phí xây dựng công trình Đồng Nai 4	-	18.020.184.748
Chi phí cọc, bê tông cốt thép nhà máy xi măng Phương nam	652.249.675	652.249.675
Chi phí xây dựng công trình nhà máy xi măng Chinfon	2.396.300.155	2.396.300.155
Chi phí xây dựng công trình nhà máy dầu Tường An	457.612.651	812.032.828
Chi phí xây dựng công trình depot Suối Tiên	-	140.895.727
Chi phí xây dựng công trình Phan Duy	97.211.590	920.000.000
Chi phí xây dựng công trình mùa đường cồn Long Mỹ Phát	665.287.969	665.287.969
Chi phí khai thác đá Đồng Nai 4	-	227.815.593
Chi phí biệt thự 80, 84	-	286.183.198
Chi phí Tank lên men NM bia Sài Gòn	1.895.181.818	2.379.727.272
Chi phí CT NX Việt – Ý	704.180.685	1.758.097.497
Chi phí Nâng cấp đường Bà Rịa Vũng Tàu	2.189.942.136	7.236.363.636
Chi phí khối lượng kho lương thực đồng tháp	4.147.309.091	3.147.309.091
Chi phí cọc vây Miền Tây	-	78.380.000
Chi phí cọc tường vây Công ty Nam Minh Long	-	131.825.864
Chi phí Bến Phà Tam Hiệp	985.813.384	2.490.000.000
Chi phí Cảng cá Xẻo Nhàu	2.636.363.636	4.000.000.000
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy bia Bạc Liêu	-	580.000.000
Chi phí Xây lắp chính, nhà tạm, TB PCCC - Trụ sở BCHQS P15, Q5	264.545.455	-
Chi phí XD trường tiểu học Lý Cảnh Hớn Quận 5	2.026.547.320	-
Chi phí XL10-N2.TP2-Xây lắp hạ tầng kỹ thuật KP3, P. Đông Hưng Thuận, Q12 (HĐ 71/HĐ)	361.522.803	-
Chi phí Xây dựng nhà lưu niệm văn phòng trung ương cục Miền Nam (46/HĐ-XD)	161.905.019	-
Chi phí Trụ sở UBND phường 2 Quận 5	411.000.000	-
Chi phí Trụ sở UBND phường 7 Quận 5	784.818.182	-
Chi phí Trụ sở Cty CP Viễn Thông Miền Tây (HĐKT số 02/HĐ)	121.734.000	-
Chi phí phải trả khác	10.689.480.852	8.552.413.573
Tổng cộng	41.028.962.670	61.071.135.502

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.184.838	11.154.433
Kinh phí công đoàn	1.148.969.031	1.054.484.820
Bảo hiểm	111.355.046	297.837.725
Phải trả khác	14.391.966.405	19.882.089.500
- Phải trả tạm ứng	7.680.590.837	10.307.323.656
- Phải trả khác	6.711.375.568	9.574.765.844
Tổng cộng	15.654.475.320	21.245.566.478

17. VAY DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay dài hạn	69.592.459.455	11.457.249.455
Ngân hàng ngoại thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh (1)	7.073.950.455	8.161.950.455
Công ty Tài Chính Cao Su (2)	50.000.000.000	-
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11 (3)	12.356.309.000	3.029.499.000
Ngân hàng VID Public	162.200.000	265.800.000
Vay dài hạn đến hạn trả	9.625.580.000	2.912.580.000
Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.176.000.000	2.176.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11	7.346.380.000	581.380.000
Ngân hàng VID Public	103.200.000	155.200.000
Số dư vay dài hạn	59.966.879.455	8.544.669.455

(1) Vay ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – CN Thành phố Hồ Chí Minh, theo hợp đồng tín dụng số 0018/TD1/06CD ngày 17 tháng 04 năm 2006, mục đích đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay 7 năm, lãi suất 1%/ tháng, thời hạn thanh toán theo từng kỳ 3 tháng.

(2) Vay công ty Tài Chính Cao Su với lãi suất 1,3%/tháng, mục đích vay là đầu tư dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương, thời hạn vay 24 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(3) Vay ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn theo hợp đồng 0748048 ngày 26 tháng 12 năm 2007 với lãi suất 1,18%/tháng, mục đích mua máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo bằng tài sản máy móc thiết bị, thời hạn vay là 4 năm, thời hạn thanh toán theo kỳ 3 tháng. Và theo hợp đồng 6480-LAV-201000127 ngày 10 tháng 03 năm 2010 với lãi suất 1,18%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 225 Bến Chương Dương, thời hạn vay 18 tháng, lãi được trả hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Cộng</i>
Số dư đầu kỳ	64.657.150.000	48.476.809.600	11.556.782.318	4.034.149.598	21.120.741.223	149.845.632.739
- Tăng vốn	60.000.000.000	28.665.200.000	-	-	-	88.665.200.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	19.051.103.651	19.051.103.651
- Tăng khác	-	-	-	-	239.912.184	239.912.184
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.747.575.000)	(17.747.575.000)
Số dư cuối kỳ	124.657.150.000	77.142.009.600	11.556.782.318	4.034.149.598	22.664.182.058	240.054.273.574

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Cổ đông	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Số đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của nhà nước	29.629.760.000	23,77	18.518.600.000	28,64
Vốn góp của các đối tượng khác	95.027.390.000	76,23	46.138.550.000	71,36
Tổng cộng	124.657.150.000	100	64.657.150.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức được chia

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	64.657.150.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	60.000.000.000	28.657.150.000
+ Vốn góp cuối kỳ	124.657.150.000	64.657.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.747.575.000	3.868.629.000
+ Chia bằng cổ phiếu	6.465.360.000	-
+ Chia bằng tiền	11.282.215.000	3.868.629.000

d. Cổ phiếu

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.465.715	6.465.715
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.465.715	6.465.715
+ Cổ phiếu phổ thông	12.465.715	6.465.715
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.465.715	6.465.715
+ Cổ phiếu phổ thông	12.465.715	6.465.715

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/1 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Xây lắp	132.146.102.520	121.456.129.792
Dự án	27.409.488.367	8.188.410.268
Bán vật tư	5.169.004.963	3.572.256.636
Cho thuê nhà văn phòng	15.600.830.860	12.651.450.075
Khai thác đá	4.433.849.325	438.762.392
Khác	900.192.640	-
Tổng cộng	185.659.468.675	146.307.009.163

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Xây lắp	124.046.834.492	118.743.122.224
Dự án	14.012.529.907	-
Bán vật tư	3.147.362.299	2.985.176.501
Cho thuê nhà văn phòng	5.796.909.419	4.682.809.241
Khai thác đá	4.710.534.208	408.049.024
Khác	513.728.343	-
Tổng cộng	152.227.898.668	126.819.156.990

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	1.086.176.776	1.017.033.257
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	290.709.380	607.252.000
Lợi nhuận được chia	113.775.000	22.100.000
Tổng cộng	1.490.661.156	1.646.385.257

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	3.285.573.225	858.500.008
Kinh doanh chứng khoán	164.460.862	65.108.950
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	438.969.809	-
Tổng cộng	3.889.003.896	923.608.958

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập trước thuế trong năm (1)	25.385.568.187	17.293.703.378
Điều chỉnh tăng (2)	66.064.955	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia (3)	113.775.000	22.100.000
Thu nhập tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	25.337.858.142	17.271.603.378
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (5)	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ (6)=(4)*(5)	6.334.464.536	4.317.900.844

24. THÔNG TIN CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	388.208.955	393.879.735
Thù lao Ban kiểm soát	121.791.045	124.910.265
Ban giám đốc	621.110.000	477.539.700
Tổng cộng	1.131.110.000	996.329.700

25. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi tiêu “Quỹ khen thưởng phúc lợi” được trình bày tại mục “Nguồn kinh phí và quỹ khác” với mã số 431 trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được phân loại và trình bày lại tại mục “Nợ ngắn hạn” với mã số 323 trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

26. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu kỳ trước dùng để so sánh không được soát xét bởi công ty kiểm toán.

Vũ Sinh Thiện
Kế toán trưởng
Ngày 14 tháng 08 năm 2010

Lê Văn Chính
Tổng giám đốc